

Số: 10QĐ-MNTQ

Gia lâm, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của Trường Mãn non Thị trần Trầu Quỳ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÃN NON THỊ TRẦN TRẦU QUỲ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao dự toán NSNN năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường Mãn non Thị trần Trầu Quỳ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Trường Mãn non Thị trần Trầu Quỳ (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán - Tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mãn non Thị trần Trầu Quỳ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Diệu Anh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường mầm non TT Trâu Quỳ
Chương: 022

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

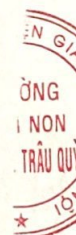
(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ- MNTTQ ngày 22/12/2022 của trường mầm non TT Trâu Quỳ)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	1.584.900.000
1	Lệ phí	1.584.900.000
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.584.900.000
I	Chi sự nghiệp.....	1.584.900.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.503.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.503.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.503.000.000
	Chi thanh toán cá nhân	5.007.294.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng	125.000.000
	Vật tư văn phòng	98.172.000
	Thông tin liên lạc	23.200.000



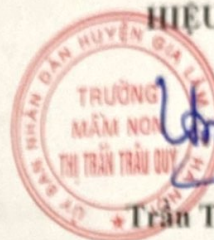
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Hội nghị	16.350.000
	Công tác phí	26.400.000
	Sửa chữa TX TSCĐ	34.000.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	172.584.000
	Mua sắm TSCĐ	
	Chi khác	
3.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	
	Chi hội nghị	
	Thuê mướn	
	Sửa chữa TX TSCĐ	
	Nghiệp vụ chuyên môn	
1.3	<i>Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</i>	
	Chi thanh toán cá nhân	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Ngày 22 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Diệu Anh

12/12/22

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIỂU GIAO

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Giao: Trường Mầm non Thị trấn Trâu Quỳ

GIA LÂM, THÁNG 12 NĂM 2022



Phụ lục: Giao biên chế năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị: Trường Mầm non TT Trâu Quỳ

Đơn vị tính: Người

TT	Giao chi tiết	Biên chế giao năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	60	
I	Biên chế Ban Giám hiệu	3	
II	Biên chế Giáo viên	40	
III	Biên chế nhân viên	2	
1	Nhân viên Văn thư	1	
2	Nhân viên Kế toán	1	
3	Nhân viên Y tế	0	
IV	Biên chế HĐLĐ	15	
1	Biên chế HĐLĐ theo NĐ 68/2020/NĐ-CP	3	
2	Biên chế HĐLĐ theo định mức	12	

PHỤ LỤC

GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 8188/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Gia Lâm)

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẦN TRÂU QUỲ (MÃ QHNS: 1088902)

Chương 622 - Loại 070 - Khoản 071

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN GIAO (Triệu đồng)	GHI CHÚ
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	5 503	
1	Chi thường xuyên không giao tự chủ	5 503	

Ghi chú:

1. Dự toán trên:

- Đã loại trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.
- Đã đảm bảo lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và kinh phí cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng.
- Dự toán giao chi thường xuyên không giao tự chủ, sau khi đơn vị xây dựng phương án tự chủ tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND Huyện sẽ thực hiện điều chỉnh dự toán từ kinh phí thường xuyên không giao tự chủ sang kinh phí thường xuyên giao tự chủ theo quy định.

2. Tiếp tục bố trí nguồn cải cách tiền lương năm 2023 gồm: nguồn cải cách tiền lương dư năm trước chuyển sang (nếu có) và 40% nguồn thu học phí được để lại năm 2023 để đảm bảo thực hiện các Nghị định về tiền lương.